

*C, ngày 15 tháng 10 năm 2018*

Số: 416/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 537/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1. Anh Trần Văn T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 37B, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Lý Thị Bé B, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: 417HB, ấp H, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Trần Văn T và chị Lý Thị Bé B trình bày:

Anh T, chị B đã ly thân hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị không được tháo gỡ, gia đình hai bên hòa giải, khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Cả hai không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc lẫn nhau. Cuộc sống, sinh hoạt, sức khỏe, ... của nhau như thế nào không ai biết đến ai, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn thương yêu nhau. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị B là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn T, chị Lý Thị Bé B thuận tình ly hôn.
- Về con chung: anh Trần Văn T đồng ý cho chị Lý Thị Bé B được tiếp tục nuôi 02 (hai) con chung là Trần Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 16/11/2009 và Trần Huỳnh Đ, sinh ngày 29/10/2011, phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

Anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con cho chị Lý Thị Bé B hàng tháng mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng/tháng/cháu) cho đến khi cháu N và cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: anh Trần Văn T, chị Lý Thị Bé B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh Trần Văn T, chị Lý Thị Bé B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn T, chị Lý Thị Bé B không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T, chị Lý Thị Bé B mỗi người phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0019154 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Bến Tre.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã P, Tp Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
**(ĐÃ KÝ)**

**Lê Thị Minh Trung**